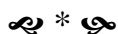




**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

**Số 244 Bùi Văn Ba, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2017**

*Tp.Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2018*

## NỘI DUNG

### GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 1 Thông tin khái quát
- 2 Lĩnh vực hoạt động
- 3 Lịch sử hình thành và phát triển
- 4 Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu
- 5 Sơ đồ tổ chức
- 6 Mục tiêu và định hướng tương lai
- 7 Rủi ro trong hoạt động kinh doanh



### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 8 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 9 Tổ chức nhân sự
- 10 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 11 Tình hình tài chính
- 12 Thông tin cổ đông

### BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- 13 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- 14 Tình hình tài chính
- 15 Những tiến bộ trong năm 2017
- 16 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018
- 17 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

### BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 18 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
- 19 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc
- 20 Kế hoạch và định hướng của HĐQT

### QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 21 Hội đồng quản trị
- 22 Ban kiểm soát
- 23 Thù lao, lợi ích và các giao dịch của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban kiểm soát.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**  
**Năm 2017**

**I/ THÔNG TIN CHUNG.**

**1. Thông tin khái quát**

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**  
Tên viết tắt: **SEAMECO**  
Tên Tiếng Anh: **Seaproducts Mechanical Shareholding Company**  
Giấy chứng nhận ĐKKD số: **0302166033 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 12/02/2007.**

Vốn điều lệ: **42.000.000.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ đồng)**

Logo:



Địa chỉ: **244 Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, Tp. HCM**  
Số điện thoại: **(84-028) 3 8 729 751**  
Số fax: **(84-028) 3 8 729 749**  
Website: <http://www.seameco.com.vn>  
Email: [seameco@seameco.com.vn](mailto:seameco@seameco.com.vn)  
Mã cổ phiếu: **SCO**

**\* Quá trình hình thành và phát triển :**



<b>Năm 1985</b>	Ngày 05/11/1987, chính thức thành lập Công ty Cơ khí Thủy sản III.	<b>Năm 2007</b>	Công ty chuyển thành công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản với vốn điều lệ là 22 tỷ đồng.
<b>1990</b>	Ứng dụng công nghệ đóng tàu bằng vật liệu composite vào sản xuất.	<b>2008</b>	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản vốn điều lệ là 22 tỷ tăng lên 33 tỷ đồng.
<b>1992</b>	Khởi công xây dựng khu vực sản xuất tại Q7 – Tp.HCM.	<b>2009</b>	Công ty CP Công nghiệp Thủy sản vốn điều lệ là 33 tỷ tăng lên 42 tỷ đồng.
<b>1993</b>	Thành lập lại doanh nghiệp nhà nước Cty Cơ khí Thủy sản III.	<b>2010</b>	Được Tổ chức QUACERT cấp Giấy chứng nhận ISO 9001:2008.
<b>1997</b>	Đưa cầu cảng C1 vào hoạt động.	<b>2011</b>	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản thay đổi trụ sở chính của công ty từ 30 Hàm Nghi, P. Bến Nghé, Q.1 sang 211 Nguyễn Thái Học, P. Phạm Ngũ Lão,

- Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- 2000** Đổi tên thành Công ty Cơ khí Thủy sản, trực thuộc Tổng Công ty Hải sản Biển Đông.
- 2001** Nghiên cứu và chế tạo thành công khuôn thép tháo rời cho đóng tàu composite.
- 2002** Đổi tên thành Công ty Công nghiệp Thủy sản
- 2003** Hạ thủy tàu đánh bắt xa bờ dài nhất bằng vật liệu composite được đóng tại Việt Nam.
- 2005** Được Tổ chức QUACERT cấp Giấy chứng nhận ISO 9001:2000.
- 2006** Hạ thủy tàu y tế dài 30m, con tàu dài nhất bằng vật liệu composite được đóng tại Việt Nam; đưa cầu cảng C2 vào hoạt động.
- 2012-2013** Công ty tập trung sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức bộ máy nhân sự.
- 2014** Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản thay đổi trụ sở chính của công ty từ 211 Nguyễn Thái Học, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1 sang địa chỉ: Số 244 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM.
- 2015** Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính Phủ đã tạo những cơ hội mới cho Công ty. Lĩnh vực đóng, sửa tàu thuyền chủ lực của Công ty có nhiều chuyển biến tích cực. Công ty đã ký được 11 hợp đồng đóng mới trong đó có 10 hợp đồng kinh tế với ngư dân.
- 2016** Là năm thành công của Công ty về ngành công nghiệp đóng tàu so với 10 năm trước. Trong năm Công ty đã bàn giao hạ thủy 18 tàu cá cho ngư dân, trong đó có 01 tàu dịch vụ hậu cần nghề cá.
- 2017** Công ty tiếp tục thực hiện mới đóng tàu theo chương trình Nghị định 67/2017/NĐ-CP ngày 07/4/2014 của Chính phủ. Đóng mới bàn giao hạ thủy 05 chiếc tàu vỏ sắt, trong đó 04 chiếc tàu đánh cá của ngư dân theo NĐ 67/NĐ-CP.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.**

### **2.1 Ngành nghề kinh doanh.**

- Đóng mới, sửa chữa, thiết kế tàu vỏ gỗ, sắt, vật liệu composite và sản xuất các sản phẩm composite;
- Kinh doanh kho hàng, bến bãi; Kinh doanh dịch vụ cầu cảng;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp: động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng ...
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, động cơ nổ, động cơ thủy...

## 2.2 Địa bàn kinh doanh.

- Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, thành phố Hồ Chí Minh.

- Tel: 028.38729751 - 028.38752422

Fax: 028.38729749

## SẢN PHẨM ĐÓNG TÀU



**Tàu tuần tra, kiểm ngư**



**Tàu du lịch, tàu khách**



**Tàu vỏ thép**

## SẢN PHẨM MÁY MÓC



**Máy xăng**



**Máy cắt cỏ**



**Máy bơm nước**



**Máy phát điện**



**Đầu nén**



**Máy phun thuốc**

## SẢN PHẨM COMPOSITE



**Thùng rác**



**Xuồng máy**



**Cano Composite cao tốc**

## MỘT SỐ DỊCH VỤ KHÁC



**Dịch vụ cầu cảng**



**Dịch vụ kho bãi**



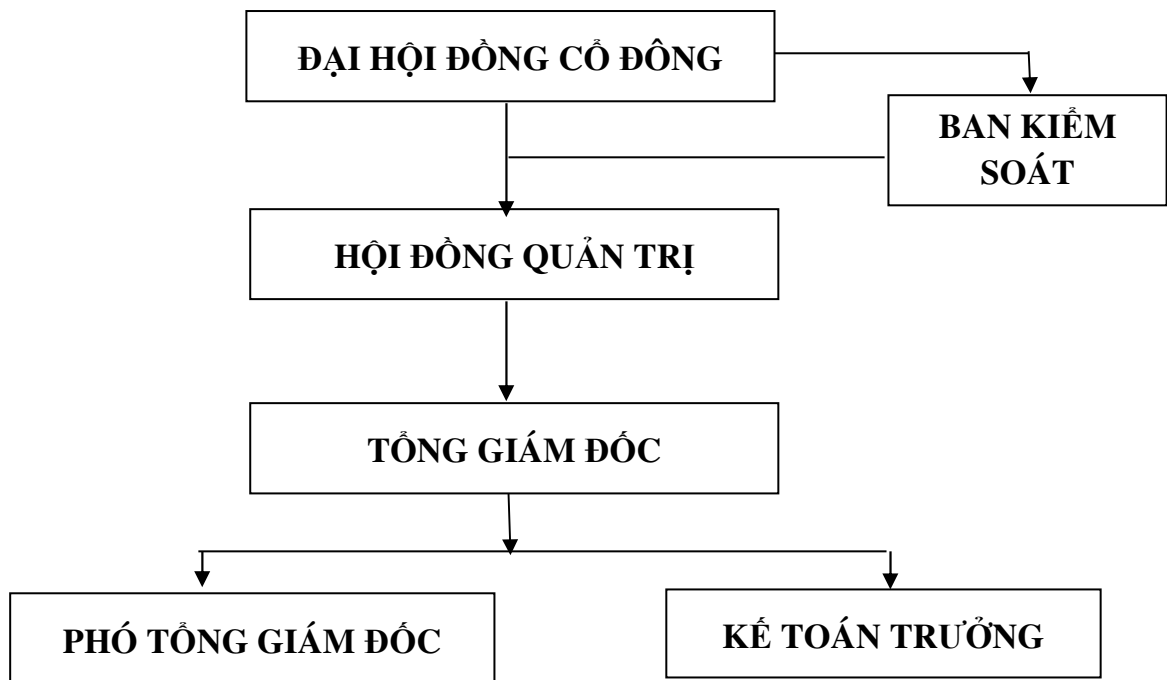
**Dịch vụ lên xuống xà lan**



### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

#### 3.1 Mô hình quản trị:

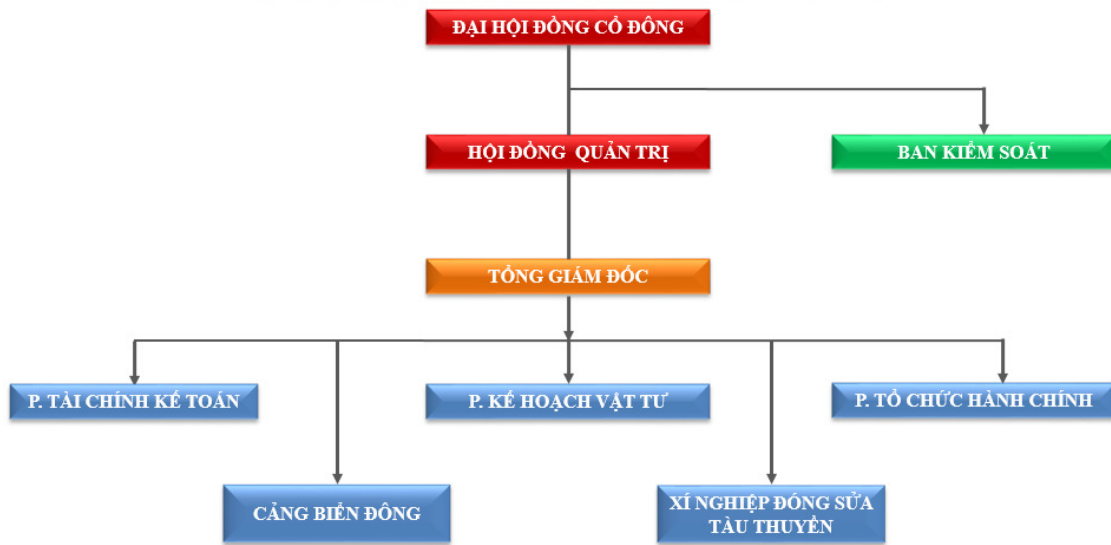
Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất Công ty. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu cử gồm 03 thành viên. Hội đồng quản trị công ty gồm 05 người, trong đó có 01 ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc, 01 ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc. Ban Giám đốc công ty gồm: 01 Tổng giám đốc, 01 Phó Tổng giám đốc và 01 Kế Toán trưởng.





### 3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.

#### SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ



+ Xí nghiệp đóng sửa tàu thuyền: đóng mới và sửa chữa các loại tàu du lịch, tàu kiểm ngư, tàu đánh cá, tàu chở hàng, cano, phà, các phương tiện nổi bằng vật liệu composite, thép.

+ Cảng Biển Đông: cung ứng các dịch vụ bốc xếp, giao nhận, dịch vụ kho bãi, cung cấp dầu, điện nước phục vụ cho tàu cập cảng.

### 3.3 Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

## 4. Định hướng phát triển.

### 4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Đến năm 2020, SEAMECO sẽ phấn đấu trở thành một trong những doanh nghiệp mạnh, có trình độ công nghệ khá, trang thiết bị sản xuất hiện đại.

Thông qua việc cung cấp những sản phẩm và dịch vụ đa dạng với chất lượng thỏa mãn nhu cầu của khách hàng mục tiêu, Công ty sẽ hoạt động và sử dụng vốn có hiệu quả nhằm tạo lợi nhuận cao nhất cho các cổ đông; tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động trong doanh nghiệp; làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và Xã hội, cụ thể:

- Duy trì hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và hệ thống tài chính nhân sự.

- Nâng cao năng lực sản xuất bao gồm vấn đề cơ sở vật chất và nguồn nhân lực.

- Phát triển theo tiêu chí tăng trưởng bền vững, tập trung vào các lĩnh vực hoạt động chính.

- Tìm kiếm đối tác, mở rộng thị phần Công ty.



## **4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

- Tập trung hoạt động vào các lĩnh vực thuộc thế mạnh của Công ty như đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, dịch vụ kho bãi, xếp dỡ hàng hóa qua cảng.
- Tiếp tục bán, thanh lý tài sản không cần thiết để trả nợ.
- Làm việc với Ngân hàng để tái cơ cấu lại nợ.

## **4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.**

- Hoạt động của công ty phải phù hợp với tiêu chí về bảo vệ môi trường, đảm bảo CB-CNV làm việc trong môi trường tốt nhất.
- Tạo công việc làm ổn định, đảm bảo lương tối thiểu cho CB-CNV, thực hiện đầy đủ các chế độ lao động cho người lao động.

## **5. Các rủi ro.**

- Rủi ro lãi suất: Công ty hiện đang có tỷ trọng nợ cao so với vốn chủ sở hữu. Do đó biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến chi phí hoạt động của Công ty, làm ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận.

- Rủi ro đặc thù: Ngành đóng mới và sửa chữa tàu thuyền là một trong những ngành công nghiệp đòi hỏi kỹ thuật cao. Quy trình sản xuất phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật của Cục đăng kiểm và các qui định hiện hành trong ngành cơ khí tàu thuyền. Do vậy, bất cứ công đoạn sản xuất nào không tuân thủ các qui định này đều gây ra những thiệt hại đáng kể cho Công ty.

Hiện nay, để nâng cao chất lượng, uy tín trong các sản phẩm, dịch vụ mà Seameco cung cấp tới khách hàng thì các công đoạn sản xuất kinh doanh chính của Seameco (từ thiết kế, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, lắp ráp máy phát điện, máy bơm, kinh doanh vật tư hàng hóa, đến cung cấp dịch vụ cảng) đều tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn qui định trong hệ thống quản lý chất lượng.

- Rủi ro tín dụng: Tính đến thời điểm hiện nay, hoạt động kinh doanh của Công ty có nhiều công nợ phải thu tồn đọng chủ yếu từ Công ty cổ phần Aquafeed Cửa Long, Công ty cổ phần Biển Tây,... Các đối tác hiện đang gặp khó khăn về tài chính, mất khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, Công ty đang gặp rủi ro tồn thất tài chính. Hiện nay, Công ty đã trích lập hầu hết các khoản dự phòng công nợ tồn đọng chưa thu hồi được của các khoản nợ trên.

- Rủi ro khác: Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do biến động giá cả nguyên vật liệu, linh kiện, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, kinh tế, xã hội trong nước và trên thế giới làm cho thị trường bị giảm sút và các thị trường tiềm năng mất ổn định. Những rủi ro này có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## **II/ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017.**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.**

#### **1.1 Những thuận lợi, khó khăn.**

**a) Thuận lợi:** Công ty hoạt động trong Ngành thủy sản về lĩnh vực cơ khí tàu thuyền gần 30 năm qua, đã có kinh nghiệm nhất định để tiếp thị, tư vấn các mẫu tàu cá phù hợp với từng ngành nghề cho các ngư dân được phê duyệt dự án đóng tàu. Với những kinh nghiệm sẵn có cùng với uy tín đóng tàu đánh cá vỏ thép cho ngư dân năm 2016 theo Nghị định 67/NĐ-CP của Chính phủ được các ngư dân tin tưởng. Năm 2017, Công ty triển khai tiếp 01 hợp đồng ký năm 2016 và ký đóng mới 04 hợp đồng đóng tàu vỏ thép. Trong đó, 03 hợp đồng đóng mới theo chương trình Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ tại Quảng Bình, Phú Quý và 01 hợp đồng đóng tàu vận tải nhỏ.

Với mặt bằng sẵn có, Công ty vẫn tiếp tục duy trì các hình thức kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng, cầu cảng ... và tiếp tục triển khai công tác tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh dịch vụ, tận dụng tối đa cơ sở mặt bằng sẵn có nhằm tăng doanh thu cho Công ty.

#### **b) Khó khăn:**

##### **b.1 Khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.**

- Trong xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, chưa dự báo tốt tình hình thị trường của các hợp đồng đóng mới tàu cá sẽ hình thành trong tương lai.

- Về cơ khí đóng tàu: Sự biến động liên tục của thị trường về giá cả vật tư, thiết bị đóng tàu, nhân công..., cụ thể: giá nguyên, nhiên, vật liệu và các khoản chi phí đầu vào luôn biến động, làm tăng giá thành sản phẩm, dịch vụ, đặc biệt là các nguyên vật liệu chính như tôn, sắt, thép ... trong tháng 8, 9 tăng giá đột biến (hơn 30%) kéo theo các thiết bị, vật tư cũng lên theo.

Cùng với sự ảnh hưởng của thị trường, trong năm qua sự cố chất lượng đối với tàu đánh cá vỏ thép đóng mới theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ tại khu vực miền Trung làm ảnh hưởng không nhỏ tới việc giải ngân và ký kết các hợp đồng đóng mới của Công ty.

- Về dịch vụ cho thuê mặt bằng kho, bãi: Duy trì thực hiện các hợp đồng từ năm trước, giá cho thuê tuy có điều chỉnh nhưng không tăng nhiều do nhiều nguyên nhân khó khăn của các đơn vị, cá nhân đang ký hợp đồng thuê với Công ty, địa lý khu vực bị ảnh hưởng bởi tải trọng của Cầu Trắng ... nên doanh thu lĩnh vực này vẫn chỉ bằng hoặc tăng nhẹ so với năm trước.

- Về khai thác dịch vụ cầu cảng: Từ tháng 01 đến tháng 8 năm 2017, do cầu cảng xuống cấp nghiêm trọng, Cục Hàng hải Việt Nam và Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản yêu cầu Công ty phải ngưng khai thác. Việc khai thác dịch vụ cầu cảng của Công ty chỉ hoạt động cầm chừng nên đã

làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh dịch vụ khai thác của lĩnh vực này giảm sút so với các năm trước.

b.2 Khó khăn về tài chính: Trong năm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong điều kiện nguồn vốn lưu động hạn hẹp, chủ yếu nhờ vào tiền tạm ứng và vốn thanh toán của chủ đầu tư.

Các chỉ số tài chính yếu kém do hậu quả công nợ cũ để lại là một trở ngại lớn cho Công ty tiếp xúc với nhà đầu tư và các tổ chức ngân hàng cung cấp tín dụng.

b.3 Khó khăn về nhân sự: Trong năm Công ty có nhiều sự biến động về nhân sự, đặc biệt trong Quý III, một số cán bộ chủ chốt của Công ty chuyển công tác, một số xin nghỉ việc để được hưởng chế độ chính sách BHXH.

## 1.2 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017.

**ĐVT: Tỷ đồng**

TT	KHOẢN MỤC	ĐVT	TH 2016	KH 2017	Thực hiện 2017	KH 2018	So sánh %		
							TH17/TH16	TH17/KH17	TH18/TH17
<b>I</b>	<b>SẢN XUẤT</b>								
<b>1</b>	<b>Đóng mới</b>	<b>chiếc</b>	<b>20</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	<b>3</b>	<b>25%</b>	<b>83%</b>	<b>60%</b>
	- Đóng tàu vỏ thép	chiếc	20	5	5	2	25%	100%	40%
	- Đóng tàu vỏ composite	chiếc		1		1			
<b>II</b>	<b>TỔNG DOANH THU (1+..+5)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>225,08</b>	<b>84,02</b>	<b>99,702</b>	<b>43,29</b>	<b>44%</b>	<b>119%</b>	<b>43%</b>
1	Doanh thu đóng tàu	Tỷ đồng	211,59	70,00	87,500	32,50	41%	125%	37%
1.1	Doanh thu đóng tàu vỏ thép	Tỷ đồng	204,79	52,00	51,023	22,00	25%	98%	43%
	<i>Trong đó: DT chuyển tiếp TH năm 2016 sang năm 2017</i>	Tỷ đồng			6,618				
1.2	Doanh thu đóng tàu vỏ composite	Tỷ đồng		13,00		6,00			
1.3	Doanh thu gia công vỏ ca nô, xuồng, phao bè ... bằng vật liệu FRP	Tỷ đồng	3,9		1,399		36%		
1.4	Doanh thu sửa chữa, gia công cơ khí, lên triền	Tỷ đồng	2,9	5,00	5,078	4,5	175%	102%	89%
1.5	Doanh thu thu hộ chủ đầu tư đóng tàu vỏ thép theo NĐ 67/NĐ-CP của Chính phủ	Tỷ đồng			30,00				
2	Doanh thu kinh doanh	Tỷ đồng	13,02	13,42	9,954	9,94	76%	74%	100%

TT	KHOẢN MỤC	ĐVT	TH 2016	KH 2017	Thực hiện 2017	KH 2018	So sánh %		
							TH17/ TH16	TH17/ KH17	TH18/ TH17
2.1	Doanh thu KDDV cầu cảng (thuê cầu cảng ...)	"	6,12	6,50	1,359	1,44	22%	21%	106%
2.2	Doanh thu KDDV thuê kho bãi...	"	6,9	6,92	8,595	8,50	125%	124%	99%
3	Doanh thu khác (thu nhập từ bán thanh lý, phế liệu, ...)	Tỷ đồng	0,02	0,05	0,135	0,05			
4	Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	0,45	0,55	0,593	0,50			
5	Thu nhập khác (hoàn nhập trích trước CP bảo hành công trình...)	Tỷ đồng		1,674	1,520	0,30			
<b>III</b>	<b>TỔNG CHI PHÍ (1+...+10)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>222,7</b>	<b>80,02</b>	<b>105,029</b>	<b>49,97</b>	<b>47%</b>	<b>131%</b>	<b>48%</b>
1	Chi phí giá vốn hàng bán (không bao gồm CP lương)	Tỷ đồng	196,87	60,01	54,590	32,61	28%	91%	60%
2	Chi phí hộ chủ đầu tư đóng tàu vỏ thép theo ND 67/ND-CP của Chính phủ	Tỷ đồng			30,00				
3	Chi phí lương	Tỷ đồng	11,94	8,96	8,461	6,859	71%	94%	81%
	+ Lương trực tiếp	"	10,352	4.540	4,318	3,965		95%	92%
	+ Lương gián tiếp	"		4.132	3,855	2,606		93%	68%
	+ Thù lao HĐQT, BKS	"	0,288	0,288	0,288	0,288		100%	100%
4	CP nộp BHXH, YT, TN, KPCĐ	"	1,3	1,300	1,264	0,941	97%	97%	74%
5	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	0,44	0,35	0,41	0,40	100%	117%	98%
6	Chi phí quản lý	Tỷ đồng	1,1	0,90	1,787	0,94	162%	199%	53%
7	Trích Dự phòng công nợ	Tỷ đồng	2,75						
8	Chi phí khác	Tỷ đồng	0,41		0,020	0,020			
9	Chi phí tài chính (chi phí lãi vay)	Tỷ đồng	9,19	8,50	8,499	8,2	92%	100%	96%
<b>IV</b>	<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2,378</b>	<b>1,004</b>	<b>(5,327)</b>	<b>(6,68)</b>			
<b>V</b>	<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (không bao gồm CP lãi vay)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>11,57</b>	<b>9,50</b>	<b>3,172</b>	<b>1,52</b>			

## **2. Tổ chức và nhân sự.**

### **2.1 Danh sách Ban điều hành.**

#### **2.1.1 Tổng giám đốc.**

**Ông MAI XUÂN PHONG - Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám Đốc (thời gian điều hành Công ty từ ngày 16/5/2017 theo Quyết định số 81/QĐ-HĐQT-CNTS ngày 10/5/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty).**

- Năm sinh: 07/12/1973 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Thủy sản, Thạc sĩ hành chính công
- Số cổ phần nắm giữ: 0
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
- Quá trình công tác:
  - + Từ 09/1996: Nghiên cứu viên của viện Nghiên cứu Kinh tế Quy hoạch Thủy sản.
  - + Từ T.12/1997- T.8/2017: Chuyên viên Vụ TCCB, ủy viên Thường trực, Thư ký Ban chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ Thủy sản.
  - + Từ T.8/2007 – T.3/2008: Chuyên viên Ban đổi mới và Quản lý doanh nghiệp. Chuyên viên Vụ TCCB thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
  - + Từ T.4/2008 – T.9/2011: Chuyên viên Ban TCCB, thành viên Ban kiểm soát thuộc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).
  - + Từ T.10/2011 đến nay: Trưởng văn phòng Đại diện tại Hà Nội kiêm trợ lý Tổng giám đốc thuộc Tổng công ty Thủy sản Việt Nam. Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam đến nay.
  - + Từ ngày 16/5/2017 đến nay: Tổng giám đốc Công ty CP CN Thủy sản.

#### **2.1.2 Ông TRƯƠNG TÙNG HÙNG - TV HĐQT kiêm Phó TGD**

- Năm sinh: 04/08/1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí.
- Số cổ phần nắm giữ 16.000
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.39%
- Quá trình công tác:
  - + Năm 1997 – năm 1999: Nhân viên Phòng vỏ tàu Công ty TNHH tàu biển HyunDai – Vinashin.
  - + Năm 1999 – năm 2001: NV KD Trung tâm Máy Cty Cơ khí Thủy Sản 3.
  - + Năm 2001 – năm 2004: Nhân viên Phòng Kế hoạch Cty Cơ khí Thủy Sản 3.
  - + Năm 2004 – năm 2006: NV kỹ thuật Xưởng cơ khí Cty CN Thủy Sản.
  - + Năm 2006 – năm 2007: Phó quản đốc Xưởng cơ khí – Cty CN Thủy Sản.
  - + Năm 2007– năm 2008: Phó Giám đốc XN đóng tàu Cty CP CN Thủy Sản.
  - + Năm 2008– năm 2009: Giám đốc XN đóng tàu Cty CP CN Thủy sản.

+ Năm 2009 – tháng 05/2012: Phó Tổng Giám đốc Cty CP CN Thủy Sản kiêm Giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Seameco.

+ Tháng 05/2012 – tháng 5/2014: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản kiêm Giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Seameco.

+ Từ tháng 06/2014 đến nay : Phó Tổng Giám đốc

### **2.1.3 Kế toán trưởng.**

**Bà Hoàng Thị Tú (thời gian điều hành KTT Công ty từ ngày 01/9/2017 theo Quyết định số 217/QĐ-HĐQT-CNTS ngày 23/8/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty).**

- Năm sinh : 15/5/1983

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán.

- Số cổ phần nắm giữ: 0

- Tỷ lệ sở hữu có quyền biểu quyết: 0%

- Quá trình công tác :

+ Năm 2005– năm 2008 : phó phòng TCKT Công ty Đầu tư Xây dựng An Thịnh Vinatex.

+ Năm 2009 – năm 2010: kế toán trưởng Công ty TNHH Tư vấn Hằng Sinh

+ Năm 2016 – T.6/2017: kế toán trưởng Chi nhánh Sea Lâm Đồng thuộc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP.

+ Từ T.6/2017 đến T/9/2017: Phó phòng TCKT Công ty CP Công nghiệp thủy sản

+ Từ tháng T9/2017 – đến nay: Kế Toán trưởng - Công ty CP CN thủy sản.

### **2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành:**

<b>STT</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Nội dung</b>
1	Tổng giám đốc	- Ông NGUYỄN BẢY - Thành viên HĐQT, thôi giữ chức TGD Công ty từ ngày 16/5/2017 theo Quyết định số 80/QĐ-HĐQT-CNTS ngày 10/5/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty.  - Ông MAI XUÂN PHONG - Thành viên HĐQT, giữ chức TGD điều hành Công ty từ ngày 16/5/2017 theo Quyết định số 81/QĐ-HĐQT-CNTS ngày 10/5/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty.
2	Kế toán trưởng	- Bà Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ Hoa, thôi giữ chức vụ KTT Công ty kể từ ngày 01/9/2017 theo Quyết định số 216/QĐ-HĐQT-CNTS ngày 23/8/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty.  - Bà Hoàng Thị Tú, giữ chức vụ KTT Công ty từ ngày 01/9/2017 theo Quyết định số 217/QĐ-HĐQT-CNTS ngày 23/8/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty.

### 2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên đến 31/12/2017:

Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Thu nhập người lao động		
		Năm	Đơn vị	Thu nhập bình quân
1. Ban Tổng Giám Đốc	02	2017	Đồng/người/tháng	7.200.000
2. Phòng Tài chính Kế toán	04			
3. Phòng Tổ chức hành chính	15	<b>Phân loại theo trình độ lao động</b>		<b>Số lượng (người)</b>
4. Phòng kế hoạch – Vật tư	06			
5. Xí nghiệp ĐSTT	34	Đại học, trên đại học		14
+ VP Xí nghiệp	06	Trung cấp		05
+ Công nhân sản xuất	28	Phổ thông		42
<b>Tổng cộng</b>	<b>61</b>	<b>Tổng cộng</b>		<b>61</b>

#### \* Chính sách đối với người lao động.

- Công ty luôn đưa ra chính sách đãi ngộ phù hợp, với tình hình khó khăn hiện nay, công ty quan tâm đến đời sống vật chất lẫn tinh thần cho cán bộ công nhân.

- Thực hiện ký kết hợp đồng lao động với tất cả CBCNV làm việc trong công ty. Đối với người lao động chính thức sẽ được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ. Công ty thực hiện nghiêm các chế độ, qui định của luật lao động.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

3.1 Các khoản đầu tư lớn: Không có

3.2 Các công ty con, công ty liên kết: Không có

### 4. Tình hình tài chính.

#### 4.1 Tình hình tài chính.

*ĐVT: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017	% tăng, giảm so TH 2016
1	Tổng tài sản	81.049.827.324	67.850.115.466	83,71%
2	Doanh thu thuần	224.606.047.118	97.584.762.638	43,45%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	2.765.100.397	(6.826.681.336)	-247%
4	Lợi nhuận khác	(386.926.910)	1.499.725.687	388%
5	Lợi nhuận trước thuế	2.378.173.487	(5.326.955.649)	-224%
6	Lợi nhuận sau thuế	2.378.173.487	–	
7	Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	585	–	



## 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,44	0,28
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,35	0,25
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	227,78	260,49
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	-178,26	-162,31
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	12,24	11
Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	Vòng	2,77	1,31
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,06	-5,56
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-2,27	5,01
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ROA	%	0,80	-1,79
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	1,23	-7

Năm 2016 nhờ có chương trình đóng tàu của Chính phủ, công ty có nhiều hợp đồng đóng tàu, có nguồn thu tương đối đảm bảo nên các chỉ tiêu về khả năng thanh toán tiếp tục thay đổi theo chiều hướng tích cực dần lên.

Đến năm 2017, Công ty lại tiếp tục khó khăn trong tìm kiếm khách hàng đóng tàu nên tình hình tài chính của Công ty trong năm vẫn theo chiều hướng xấu do ảnh hưởng từ kết quả kinh doanh của các năm trước làm Công ty mất khả năng thanh toán nợ gốc. Tuy nhiên, trong năm Công ty vẫn duy trì trả lãi vay ngân hàng. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn bất hợp lý tạo ra nhiều khó khăn cho Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

### 5.1 Cổ phần.

- Tổng số cổ phần phát hành : 4.200.000 cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 4.064.700 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ : 135.300 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu đang lưu hành : cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

**5.2 Cơ cấu cổ đông** (theo báo cáo danh sách chốt cổ đông đến ngày 20/3/2018).

<b>Cổ đông</b>	<b>Số lượng cổ đông</b>	<b>Số lượng cổ phần năm giữ</b>	<b>Tỷ lệ nắm giữ/ Tổng số CP</b>
Cổ đông trong nước	138	4.200.000	100%
Cổ đông nước ngoài	0	0	
<b>Tổng cộng</b>	<b>138</b>	<b>4.200.000</b>	<b>100%</b>
Cổ đông lớn ( $\geq 5\%$ )	3	2.605.712	62%
Cổ đông nhỏ	135	1.594.288	38%
<b>Tổng cộng</b>	<b>138</b>	<b>4.200.000</b>	<b>100%</b>
Cổ đông tổ chức	6	2.472.495	58%
Cổ đông cá nhân	132	1.727.505	42%
<b>Tổng cộng</b>	<b>138</b>	<b>4.200.000</b>	<b>100%</b>
Cổ đông nhà nước	1	1.947.000	47%
Các cổ đông khác	137	2.253.000	53%
<b>Tổng cộng</b>	<b>138</b>	<b>4.200.000</b>	<b>100%</b>

**5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có

**5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

**5.5 Các chứng khoán khác:** Không có

### **III/ BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017.**

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty trong những tháng đầu năm 2017 gặp nhiều khó khăn, trở ngại nhưng nhờ sự cố gắng quyết tâm phấn đấu của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên cùng với việc nắm bắt và vận dụng các cơ hội, thông tin thị trường để thực hiện tốt chương trình Nghị định 67/2014/NĐ-CP. Phát huy kết quả đạt được trong năm 2016 về việc quan hệ, tiếp cận và giải quyết các vướng mắc với khách hàng, Công ty đã cố gắng vượt qua khó khăn, phấn đấu để đạt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2017, cụ thể như sau:

##### ***a) Lĩnh vực sản xuất đóng, sửa tàu thuyền.***

###### **a.1/ Sản xuất**

- Đóng tàu vỏ thép: Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong việc ký kết đóng tàu vỏ thép theo chương trình Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ vì sự cố chung của Ngành về chất lượng đối với tàu cá vỏ thép đóng mới tại miền Trung. Trong năm Công ty đã cố gắng ký được 03 hợp đồng đóng mới tàu vỏ thép theo Nghị định 67 tại các tỉnh Quảng Bình, đảo Phú Quý, Phan Thiết và 01 hợp đồng đóng tàu vỏ sắt vận tải nhỏ.

Số lượng tàu thuyền hoàn thành và bàn giao trong năm là 05 chiếc đạt 100%KH, trong đó có 01 chiếc ký hợp đồng 2016, hoàn thành bàn giao Q.3/2017; 04 chiếc tàu ký hợp đồng năm 2017, hoàn thành và bàn giao Quý IV/2017 (tháng 12/2017).

- Đóng tàu vỏ composite: Kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra là đóng mới 01 tàu vỏ composite trị giá 13 tỷ đồng. Trong năm, Công ty cũng đã cố gắng tìm kiếm đẩy mạnh việc tiếp thị đóng mới tàu vỏ composite, nhưng hiện chưa có khách hàng đóng tàu.

Khách hàng ở lĩnh vực này chủ yếu là gia công vỏ ca nô, xuồng bằng vật liệu composite, với giá trị nhỏ khoảng từ 100 đến 300 triệu đồng.

a.2/ Doanh thu đóng mới, sửa chữa tàu thuyền và gia công cơ khí năm 2017 trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đạt: 87,5 tỷ đồng

Doanh thu thực về đóng mới, sửa chữa tàu thuyền và gia công cơ khí năm 2017 của Công ty là 57,500 tỷ đồng, đạt 82%KH và bằng 27% so với thực hiện năm 2016.

Nguyên nhân có sự chênh lệch với Báo cáo tài chính là do: Theo quy định của Ngân hàng năm 2017, khi ký kết hợp đồng đóng mới tàu cá với ngư dân theo Nghị định 67/NĐ-CP của Chính phủ, Ngân hàng yêu cầu đơn vị thi công khi thực hiện xong phải quyết toán chung toàn bộ con tàu bao gồm phần vỏ, lưới, các máy móc trang bị thiết bị trên tàu. Công ty chỉ đóng mới hoàn thiện phần vỏ tàu, còn các trang thiết bị, lưới, máy móc trên tàu sẽ do chủ tàu quyết định mua lắp đặt và nhờ Công ty đứng tên quyết toán, vì vậy có phần doanh thu, chi phí tăng thêm.

*Trong đó:*

- Doanh thu đóng mới tàu vỏ thép: 51,023 tỷ đồng, đạt 98% KH, bằng 25% so với năm 2016.

- Doanh thu sửa chữa tàu và dịch vụ lên xuống triền đà: 5,078 tỷ đồng, đạt 100%KH và bằng 175% so với năm 2016.

Nguyên nhân tăng so với năm 2016 do: Cuối năm 2016, Công ty ký hợp đồng thực hiện sửa chữa lớn 02 tàu Đá Tây của Công ty công ích, thực hiện chuyển tiếp sang năm 2017 và sửa chữa 01 tàu DVHC vỏ thép BTh.

Bên cạnh đó, do gặp khó khăn trong việc ký các hợp đồng đóng mới theo chương trình Nghị định 67/NĐ-CP của Chính phủ, nên Công ty đã đẩy mạnh tiếp thị, tìm kiếm các khách hàng cũ truyền thống và khách hàng mới về Công ty để sửa chữa, gia công cơ khí, gia công vỏ cano, xuồng bằng vật liệu composite và làm dịch vụ lên xuống triền.

Mặc dù trong năm Công ty chưa có khách hàng đóng tàu bằng vật liệu vỏ composite như Công ty vẫn có những khách hàng yêu cầu gia công đóng vỏ ca nô, xuồng, phao bè bằng vật liệu composite. Doanh thu đạt 1,399 tỷ đồng.

**b) Về lĩnh vực kinh doanh kho bãi và dịch vụ cầu cảng:** Doanh thu đạt 9,954 tỷ đồng, bằng 74%KH và bằng 76% so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân giảm: Do doanh thu lĩnh vực kinh doanh cầu cảng giảm nên kéo theo tổng doanh thu kinh doanh ở lĩnh vực này giảm theo, cụ thể:

*b.1) Kinh doanh cho thuê kho, bãi, nhà xưởng* trong năm vẫn ổn định, đạt hiệu quả 100% công suất, tương ứng 10.982 m<sup>2</sup> và có xu hướng tăng doanh thu so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân tăng: do trong năm Công ty đã điều chỉnh giá thuê mặt bằng kho, bãi và điều chỉnh tăng các phí dịch vụ điện, nước... theo mức tăng của nhà nước.

Doanh thu kinh doanh kho, bãi và các dịch vụ kèm theo năm 2017 đạt: 8,595 tỷ đồng, bằng 123%KH, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2016.

*b.2) Kinh doanh dịch vụ cầu cảng:* Doanh thu cho thuê cầu cảng năm 2017: 1,359 tỷ đồng, đạt 21%KH và bằng 22% so với năm 2016;

Lý do giảm sút mạnh ở lĩnh vực này là do: Từ tháng 01 đến tháng 07, việc kinh doanh dịch vụ khai thác cầu cảng của Công ty hầu như chỉ hoạt động cầm chừng, lượng hàng vận tải giảm sút cùng với việc xuống cấp của cầu cảng. Đặc biệt từ ngày 13/6/2017 Cục Hàng hải Việt Nam và Cảng vụ Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản yêu cầu Công ty phải ngưng khai thác do chưa có kết quả kiểm định đồng thời đề nghị Công ty lên phương án sửa chữa và phải được sự chấp thuận bằng văn bản của 02 cơ quan trên mới được khai thác tiếp. Công ty cũng đã xây dựng phương án dự kiến sửa chữa chi phí khoảng 01 tỷ đồng, nếu tính cả chi phí nạo vét cầu cảng, Công ty phải mất khoảng 3,5 tỷ đồng trong điều kiện tài chính của Công ty hiện nay là không khả thi. Mặt khác các thiết bị cơ giới quá cũ kỹ thường xuyên hư hỏng cùng với việc bị ảnh hưởng tải trọng của cầu trắng rất lớn. Vì vậy Doanh thu 7 tháng đầu năm Kinh doanh dịch vụ cầu cảng không đủ bù đắp các chi phí nhân công, khấu hao máy móc thiết bị, nhiên vật liệu ..., cụ thể như sau:

+ Doanh thu từ 01/01 đến 30/7/2017	: 759 triệu đồng.
+ Chi phí từ 01/01 đến 30/7/2017	: 1.546 triệu đồng.
+ Lợi nhuận	: lỗ 787 triệu đồng.

Với tình hình khó khăn như trên, HĐQT đã cùng Ban điều hành tìm giải pháp để khắc phục khó khăn, cắt giảm lỗ. Ban điều hành Công ty đưa ra phương án cho Người lao động Công ty thuê (cụ thể là Bộ phận bốc xếp, khai thác cảng) hoặc cho đối tác ngoài thuê. Mức giá cho thuê được tính toán dựa trên giá thuê đất + chi phí khấu hao.

Công ty đã xin ý kiến và trình HĐQT phương án cho thuê và được sự đồng ý. Trong quá trình tìm đối tác thuê, Công ty đã đưa ra nhiều mức giá khác nhau chào mời khách hàng thuê nhưng chỉ có đơn vị đang thuê của Công ty hiện nay đồng ý thuê và thuê với mức giá 120 triệu đồng/tháng (chưa bao gồm VAT). Hiện giá thuê này chỉ để cắt lỗ của bộ phận cảng. Doanh thu thuê cầu cảng từ tháng 8 đến 31/12/2017 là 600 triệu đồng.

**c) Tổng doanh thu:**

Tổng doanh thu thực hiện trong năm trên báo cáo tài chính: 99,703 tỷ đồng (bao gồm cả doanh thu thu hộ của chủ đầu tư đóng tàu vỏ thép theo Nghị định 67/NĐ-CP của Chính phủ).

Tổng doanh thu thực tế năm 2017 của Công ty: 69,702 tỷ đồng đạt 83%KH, bằng 31% so với năm 2016. Gồm:

- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh: 67,589 tỷ đồng

Trong đó: + Doanh thu đóng, sửa tàu thuyền: 57,500 tỷ đồng  
+ Doanh thu DV kho, cầu cảng: 9,954 tỷ đồng  
+ Doanh thu khác (thanh lý, bán phế liệu...): 0,135 tỷ đồng

- Doanh thu tài chính (lãi tiền gửi NH): 0,593 tỷ đồng

- Ngoài ra Công ty có khoản doanh thu khác (thu nhập khác) từ hoàn nhập trích dự phòng chi phí sửa chữa bảo hành tàu đóng mới năm 2016: 1,520 đồng.

**d) Tổng chi phí:** Thực hiện trên báo cáo tài chính là 105,029 tỷ đồng (bao gồm cả chi phí hộ chủ đầu tư đóng tàu vỏ thép theo Nghị định 67/NĐ-CP của Chính phủ).

Tổng chi phí thực tế năm 2017 của Công ty: 75,029 tỷ đồng, bằng 94%KH và bằng 34% so với cùng kỳ năm 2016.

Trong đó:

- Chi phí giá vốn hàng bán (không bao gồm chi phí lương): 54,590 tỷ đồng bằng 91%KH và bằng 28% so với năm 2016.

- Chi phí bán hàng: 0,41 tỷ đồng, đạt 100% so với kế hoạch và bằng 153% so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân tăng, do trong năm khi được HĐQT thống nhất phương án cho thuê cầu cảng để cắt giảm một phần lỗ. Một bộ phận công nhân cảng, cơ giới nghỉ việc, phát sinh chi phí trả trợ cấp thôi việc.

- Chi phí quản lý: 1,787 tỷ đồng, tăng 98% so với kế hoạch và tăng 85% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân tăng do một số CBCNV bộ phận văn phòng Công ty xin nghỉ việc theo chế độ để hưởng chế độ ưu đãi theo Luật BHXH áp dụng 01/01/2018, phát sinh chi phí trả trợ cấp thôi việc.

**e) Lợi nhuận trước thuế:**

- Lợi nhuận trước thuế không bao gồm chi phí trả lãi vay ngân hàng: lãi 3,172 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế bao gồm chi phí trả lãi vay ngân hàng: lỗ 5,327 tỷ đồng.

f) **Nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước:** Trong năm Công ty đã nộp NSNN 6,420 tỷ đồng, trong đó nộp thuế đất là 3,568 tỷ đồng.

g) **Trích dự phòng sửa chữa, bảo hành tàu cá năm 2017:** 0,586 tỷ đồng. Theo quy định, khoản trích này hết thời hạn bảo hành nếu không dùng hết cho việc bảo hành những con tàu đã hoàn thành trong năm 2017 sẽ được hoàn nhập lại thu nhập trong năm 2018. Dự kiến hoàn nhập trích dự phòng khoảng 300 triệu đồng.

\* **Nhận xét:** Năm 2017, tuy Công ty không đạt chỉ tiêu về lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đề ra, nhưng chỉ tiêu về sản xuất trong lĩnh vực cơ khí đóng sửa tàu thuyền Công ty đạt kế hoạch. Đây là thành quả đáng khích lệ của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên của toàn Công ty.

## 2. Tình hình tài chính.

### 2.1 Tình hình tài sản.

Chỉ tiêu	Năm 2017 (tr.đồng)	Năm 2016 (Tr.đồng)	Năm 2017/2016 (%)
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>48.781.105.433</b>	<b>59.029.863.326</b>	<b>83%</b>
Tiền & các khoản tương đương tiền	28.266.788.128	14.349.104.23	197%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	15.425.194.465	32.685.196.125	47%
Hàng tồn kho	4.591.520.879	11.736.601.156	39%
Tài sản ngắn hạn khác	497.601.961	258.961.722	192%
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>19.069.010.033</b>	<b>22.019.963.998</b>	<b>87%</b>
Các khoản phải thu dài hạn	13.730.000	18.130.000	76%
Tài sản cố định	13.706.554.225	16.344.689.675	84%
Bất động sản đầu tư		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	4.889.250.613	4.889.250.613	100%
Tài sản dài hạn khác	459.475.195	767.893.710	60%
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>67.850.115.466</b>	<b>81.049.827.324</b>	<b>84%</b>

- Tình hình tài sản năm 2017 của Công ty giảm so với năm 2016 (giảm 16%). Việc phân bổ cơ cấu nguồn vốn cho Tài sản ngắn hạn và dài hạn phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đến 31/12/2017, Công ty thu tiền doanh thu đóng tàu của khách hàng, lượng tiền dồn vào cuối năm Công ty không thanh toán kịp cho khách hàng nợ mua vật tư nên chỉ tiêu Tiền và các khoản tương đương tiền có sự thay đổi tăng mạnh, tăng 97% so với năm 2016 và gần 14 tỷ đồng.

- Việc quản lý và trích khấu hao theo đúng qui định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Các khoản phải thu ngắn hạn đến 31/12/2017 là 15,425 tỷ đồng chiếm 23% tổng tài sản là kết quả của việc trích lập lũy kế khoản dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi 119,487 tỷ đồng trên tổng số các khoản nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng là 103,170 tỷ đồng. Các khoản nợ xấu này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả sử dụng tài sản và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty do chịu ảnh hưởng của khoản nợ xấu phát sinh từ các năm trước. Hàng năm Công ty phải gánh chịu một khoản lãi vay lớn mà không có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể lãi vay phát sinh trong năm là 8,5 tỷ đồng.

Hàng hóa tồn kho đến ngày 31/12/2017: 4,591 tỷ đồng, trong đó giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất khó có khả năng tiêu thụ chưa thanh lý tại thời điểm lập báo cáo là: 3,713 tỷ đồng (chiếm 81%).

Đây là hàng hóa tồn kho Công ty nhập về để lưu trong kho đã lâu (lưu kho từ ngày 11/5/2012), chủ yếu là phụ tùng, động cơ và máy phát điện.... Hiện thị trường rất khó tiêu thụ những loại máy móc này vì đã hết model sử dụng. Nếu Công ty bán nguyên lô, giá trị rất thấp và không có khách hàng chịu mua hết. Nếu bán lẻ, khách hàng sẽ lựa chọn một số máy móc phụ tùng còn sử dụng được, còn lại các loại khác sẽ không bán được. Vì vậy Công ty không định giá được giá trị thật của hàng hóa tại thời điểm lập báo cáo để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Việc quản lý nợ phải thu theo đúng qui định quản lý nợ tại Nghị định 206/2013/NĐ- CP, trích lập và sử dụng dự phòng theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC và Thông tư 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung thông tư 228/2009/TT-BTC. Công ty theo dõi công nợ từng khách hàng, thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ, đối với công nợ luân chuyển bình thường, các khách hàng đều xác nhận nợ đầy đủ. Đối với nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã xử lý, Công ty vẫn tiếp tục theo dõi.

## 2.2 Tình hình nợ phải trả

<i>DVT: triệu đồng</i>			
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>% TH2017/2016</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>184.612.342.047</b>	<b>176.739.585.838</b>	<b>105%</b>
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>134.127.442.047</i>	<i>175.574.485.838</i>	<i>111%</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	36.413.160.227	25.565.635.592	587%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	354.278.177	370.916.222	
Thuế và các khoản phải nộp NN	1.038.611.202	580.056.078	



Phải trả người lao động		370.908320	
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.172.456.521	846.695.000	
Phải trả ngắn hạn khác	73.146.183.284	79.714.965.921	112%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19.919.543.044	67.130.543.044	89%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.674.622.515	586.178.584	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	408.587.077	408.587.077	
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>50.484.900.000</b>	<b>1.165.100.000</b>	<b>92%</b>
Phải trả dài hạn khác	198.900.000	1.165.100.000	
Vay và nợ dài hạn	50.286.000.000		92%
Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>(103.562.514.723)</b>	<b>(108.889.470.372)</b>	<b>97%</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>81.049.827.324</b>	<b>67.850.115.466</b>	<b>118%</b>

Tổng số nợ phải trả đến 31/12/2017 là 176,739 tỷ đồng, chiếm 95,7% tổng nguồn vốn. Trong đó:

Nợ ngắn hạn: 175,57 tỷ đồng chiếm 99% tổng nợ phải trả và vượt tài sản ngắn hạn một khoản 126,793 tỷ đồng. Chủ yếu là nợ thuê tài chính ngắn hạn 67,130 tỷ đồng. Đây là khoản vay nợ xấu phát sinh từ các năm trước đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn vốn của Công ty và kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm của đơn vị.

Các khoản lỗ lũy kế của Công ty trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán đến ngày 31/12/2017 vượt vốn chủ sở hữu số tiền là: 108,889 tỷ đồng. Hiện Công ty không có khả năng chi trả các khoản vay nợ này.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được liên tục là nhờ kết quả sản xuất kinh doanh trong năm và nguồn vốn lưu động ứng trước từ khách hàng.

Công ty quản lý nợ phải trả theo từng đối tượng, đúng qui định, các đơn vị thực hiện đối chiếu số dư nợ cuối năm.

Như đã nhận xét tại phần tình hình tài sản, các khoản nợ xấu đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình nguồn vốn của Công ty như sau: mất khả năng chi trả các khoản nợ vay ngắn hạn, dài hạn và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác; Vốn chủ sở hữu âm 108,889 tỷ đồng; Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: -1,62 lần làm nảy sinh sự hoài nghi về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.

+ Nợ dài hạn: 1,165 tỷ đồng, chiếm 1%.

\* Ảnh hưởng của tỷ giá đến hoạt động của Công ty:

Năm 2017 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ liên quan đến tiền đồng Việt Nam nên kết quả kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng của tỷ giá.

\* Ảnh hưởng của lãi suất đến hoạt động của Công ty:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 bị ảnh hưởng bởi trả lãi vay do phải gánh chịu các khoản chi phí lãi phát sinh lớn từ các năm trước để lại mà không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của năm báo cáo là 8,5 tỷ đồng, dẫn đến Lợi nhuận trước thuế của Công ty lỗ 5,327 tỷ đồng.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

#### **3.1 Về công tác tổ chức cán bộ:**

- Về tổ chức: Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, trong năm Công ty chủ động cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại văn phòng làm việc, bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban hành một số Văn bản quy định về nội quy, quy trình sản xuất, các Quyết định, Quy chế quản trị doanh nghiệp .... của Công ty.

Đến nay, giữa các phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biên Đông của Công ty đã có sự gắn bó, kết nối phối hợp nhịp nhàng trong công việc.

- Về nhân sự: Năm 2017, nhân sự Công ty có nhiều sự thay đổi và biến động, cụ thể:

Tổng giám đốc và Kế toán trưởng cũ xin nghỉ vì lý do cá nhân, Hội đồng Quản trị đã bổ nhiệm Tổng giám đốc, Kế toán trưởng mới.

Công ty ký chấm dứt hợp đồng với toàn bộ người lao động tại bộ phận điều độ, dịch vụ bốc xếp cảng, giới thiệu người lao động ký hợp đồng lao động mới với đơn vị thuê cầu cảng.

Một số Người lao động Công ty xin nghỉ việc để hưởng chế độ ưu đãi theo Luật BHXH cũ.

Tuyển dụng, bố trí sắp xếp lại nhân sự để đảm bảo, phù hợp cho sản xuất.

#### **3.2 Công tác điều hành của Ban giám đốc.**

Với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, trong năm Ban giám đốc đã triển khai thực hiện một số công việc chủ yếu sau:

- Chủ động cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại văn phòng làm việc, bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đến nay, giữa các phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biên Đông của Công ty đã có sự gắn bó, kết nối phối hợp nhịp nhàng trong công việc.

- Ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các phòng, các bộ phận. Triển khai thực hiện Quy chế lương và phân phối thu nhập, Quy chế tài

chính đã được HĐQT ban hành, có hiệu lực từ ngày 01/8/2017. Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ....

- Tập trung tăng cường công tác bảo vệ, an toàn, đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy tại các bộ phận sản xuất, văn phòng trụ sở Công ty...;

- Xây dựng quy định của Công ty đối với các khách hàng thuê kho bãi về vệ sinh môi trường công nghiệp và công tác phòng chống cháy nổ.

- Thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện một cách nghiêm túc các quy định về an toàn lao động trong sản xuất, trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, cải thiện tốt hơn điều kiện làm việc của người lao động, không để xảy ra tai nạn lao động đáng tiếc nào xảy ra;

#### **4. Kế hoạch phát triển Công ty trong tương lai.**

- Phát triển Công ty trên cả 03 lĩnh vực là: cơ khí đóng tàu, kinh doanh dịch vụ cầu cảng, kinh doanh mặt bằng, kho hàng, bến bãi. Trong đó trọng tâm là Cơ khí đóng tàu, mở rộng mặt hàng sản xuất; củng cố sắp xếp bố trí kho bãi, mặt bằng, cầu cảng hợp lý để tăng cường kinh doanh khai thác tăng doanh thu, việc làm và hiệu quả, đạt kế hoạch đề ra mức cao nhất. Tăng cường hợp tác mọi mặt đưa Công ty phát triển bền vững.

- Chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty đảm bảo hiệu quả kinh tế, quản trị rủi ro và bảo toàn vốn đồng thời chấp hành nghiêm chỉnh chế độ, chính sách của Pháp luật hiện hành.

- Bổ sung và hoàn thiện bộ máy lãnh đạo các đơn vị, phòng ban; ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Ban điều hành.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức và tổ chức sản xuất Xưởng đóng tàu trên nguyên tắc tinh gọn và hiệu quả.

- Bố trí hợp lý lực lượng lao động, sử dụng Quỹ tiền lương một cách hợp lý để thu hút lao động có trình độ, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Giữ vững củng cố và phát triển quan hệ với các nhà cung ứng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ổn định lâu dài.

- Luôn luôn giữ uy tín về chất lượng sản phẩm, mẫu mã, tiến độ sản xuất, giá cả linh hoạt đáp ứng nhu cầu khách hàng. Duy trì tốt mối quan hệ với các đơn vị cùng ngành nghề và tất cả bạn hàng.

- Tạo điều kiện để người lao động, người có cổ phần trong Công ty được làm chủ Công ty thực sự, thúc đẩy hình thành phương thức quản lý tiên tiến tạo

thêm động lực thúc đẩy Công ty làm ăn có hiệu quả, tạo việc làm ổn định, đảm bảo thu nhập cho người lao động cũng như hài hòa lợi ích cổ đông và tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

- Tận dụng và khai thác tiềm năng của Công ty, khai thác sử dụng mặt bằng nhà xưởng, máy móc thiết bị, không ngừng nâng cao hiệu quả lấy hiệu quả kinh tế làm nhiệm vụ trọng tâm.

- Thực hiện quy chế dân chủ, chấp hành nghiêm các chủ trương chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước.

## **5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.**

### **5.1 Dự báo về thị trường.**

Việc sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018 là dự báo tiếp tục gặp nhiều khó khăn trên tất cả lĩnh vực, cụ thể:

+ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ đã hết hiệu lực, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

Với những quy định tại Nghị định 17/2018/NĐ-CP của Chính phủ vừa mới ban hành thì việc đóng tàu đánh cá vỏ thép năm nay sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm hợp đồng đóng mới. Dự kiến doanh số và số lượng đóng mới tàu cá trong năm 2018 đạt được sẽ thấp hơn năm 2017 và thấp hơn nhiều so với năm 2016.

+ Các chỉ số về tài chính của Công ty do hậu quả của các năm trước để lại cộng với việc Công ty không có sẵn tiềm lực về kinh tế đang là một trở ngại lớn cho Công ty.

+ Đối với thị trường dịch vụ cầu cảng và cho thuê kho bãi: Mặc dù kinh tế trong nước ổn định, nhưng không có bước tăng mạnh mẽ về thương mại và lưu thông nên dịch vụ cầu cảng và kho bãi của Công ty chỉ bằng hoặc cũng có thể tăng không đáng kể so với năm 2016.

### **5.2 Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2018.**

- Sản xuất đóng mới tàu thuyền: 03 chiếc (trong đó 02 tàu vỏ sắt)

- Tổng doanh thu : 43,29 tỷ đồng

- Tổng chi phí : 49,97 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế:

+ Lợi nhuận trước thuế không bao gồm chi phí trả lãi vay: 1,52 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế bao gồm chi phí trả lãi vay: - 6,68 tỷ đồng.

**\* Các chỉ tiêu khác:**

- Đảm bảo an toàn lao động, an ninh trật tự, an toàn xã hội, không để xảy ra cháy nổ, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, cấp phát đầy đủ bảo hộ lao động, ngăn ngừa và phòng chống tệ nạn xã hội, không để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, làm thất thoát tài sản, xây dựng nếp sống văn minh lịch thiệp, không có người vi phạm kỷ luật.

- Thực hiện đầy đủ các chính sách BHXH, BHYT, BHTN, hưu trí, ốm đau, thai sản cho người lao động, giữ gìn cảnh quan môi trường luôn sạch đẹp, duy trì và đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong cán bộ CNVC toàn Công ty.

- Tăng cường công tác quản lý tài chính về công nợ, hàng tồn kho, quản trị rủi ro đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch.

- Thực hiện và triển khai sản xuất theo chỉ đạo của HĐQT.

### **5.3 Các giải pháp thực hiện:**

- Chú trọng phát triển yếu tố con người trong sản xuất kinh doanh, nghiên cứu xây dựng phương án, giải pháp, sáng kiến nhằm cải tiến trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí. Theo đó phát huy thế mạnh, tạo vị thế nhất định, nâng cao thương hiệu của Công ty trong lĩnh vực đóng, sửa tàu thuyền nói chung, đặc biệt là đóng, sửa tàu thuyền phục vụ cho Ngành thủy sản. Khai thác có hiệu quả nhất các nguồn lực và tài sản hiện có.

- Áp dụng các quy chế chi tiêu nội bộ và tiền lương, thưởng hợp lý để thu hút lao động có trình độ cao, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Giữ vững củng cố và phát triển quan hệ với các nhà cung ứng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ổn định lâu dài.

- Bám sát và tiếp cận các cơ chế chính sách của Nhà nước về phát triển ngành thủy sản, ngành giao thông (biển, nội địa); đặc biệt là các chính sách trong lĩnh vực đóng, sửa tàu thuyền.

- Giữ uy tín về chất lượng sản phẩm, tiến độ sản xuất đảm bảo, giá cả linh hoạt đáp ứng nhu cầu khách hàng. Duy trì tốt mối quan hệ với các đơn vị cùng ngành nghề và tất cả các khách hàng trong và ngoài khu vực...

## **IV/ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.**

Năm 2017 là năm Công ty gặp nhiều khó khăn trên tất cả các mặt, về sản xuất kinh doanh và tổ chức nhân sự. Nhưng bằng sự quyết tâm và nỗ lực phấn đấu, Công ty cũng đã đạt được một số kết quả như đã trình bày ở trên.

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2017 của Công ty chưa đạt hiệu quả về chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2017 thông qua, nhưng so với các năm trước (từ năm 2015 trở về

trước), Công ty đã sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh. Đây là thành quả đáng khích lệ của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên của toàn Công ty.

## **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.**

### **2.1 Về tổ chức sản xuất kinh doanh:**

Ban Tổng giám đốc đã điều hành tốt các hoạt động SXKD của Công ty trong 2 lĩnh vực là cơ khí đóng, sửa tàu thuyền và kinh doanh kho bãi, dịch vụ cầu cảng. Đặc biệt là đã tận dụng tốt cơ hội đóng tàu đánh cá cho ngư dân theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ, phát huy tốt các lợi thế cạnh tranh khi xảy ra các sự cố chung của Ngành về chất lượng đối với tàu cá vỏ thép đóng mới tại miền Trung. Hầu hết các công ty ngành cơ khí đóng tàu cá trong năm 2017 đều không ký được hợp đồng, họ chỉ duy trì đóng tiếp các hợp đồng cũ đã ký năm 2016 thì Công ty vẫn cố gắng ký được 03 hợp đồng mới đóng tàu vỏ thép theo Nghị định 67 của Chính phủ tại các tỉnh Quảng Bình, đảo Phú Quý, Phan Thiết và 01 hợp đồng đóng tàu vỏ sắt vận tải nhỏ chứng tỏ uy tín, tay nghề của Công ty trong Ngành thủy sản và ngư dân. Việc sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tốt các chỉ tiêu về chất lượng, sản lượng và hiệu quả nếu không tính đến chi phí trả lãi vay trong năm (đây là chi phí ngoại trừ vì không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty).

### **2.2 Về quản lý, sử dụng tài sản, tiền vốn phục vụ kinh doanh:**

Sử dụng có hiệu quả các tài sản của Công ty vào sản xuất kinh doanh, không để tài sản hư hỏng, thất thoát hoặc không được khai thác sử dụng. Tổ chức thanh lý các tài sản không cần dùng để thu hồi vốn kinh doanh. Chủ động tìm kiếm nguồn vốn lưu động không để sản xuất bị đình trệ vì thiếu vốn.

Thực hiện đúng các cam kết của Công ty với các ngân hàng về thanh toán các khoản nợ xấu.

### **2.3 Về công tác tổ chức cán bộ:**

Trong năm Ban điều hành Công ty đã chủ động cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại văn phòng làm việc, bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đến nay, giữa các phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biển Đông của Công ty đã có sự gắn bó, kết nối phối hợp nhịp nhàng trong công việc.

Ban hành một số Văn bản quy định về nội quy, quy trình sản xuất, các Quyết định, Quy chế quản trị doanh nghiệp .... của Công ty.

Tập trung tăng cường công tác bảo vệ, an toàn, đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy tại các bộ phận sản xuất, văn phòng trụ sở Công ty...;

Xây dựng quy định của Công ty đối với các khách hàng thuê kho bãi về vệ sinh môi trường công nghiệp và công tác phòng chống cháy nổ.

Thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

Thực hiện một cách nghiêm túc các quy định về an toàn lao động trong sản xuất, trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, cải thiện tốt hơn điều kiện làm việc của người lao động, không để xảy ra tai nạn lao động đáng tiếc nào xảy ra;

Trong năm vừa qua điều kiện làm việc và thu nhập người lao động được cải thiện tích cực hơn. Tổng quỹ lương thực hiện năm 2017 là: 8,091 tỷ đồng, bằng 78,86% KH và bằng 67,76% so với thực hiện năm 2016. Thu nhập bình quân người lao động đạt: 7.200.000 đồng/người/tháng.

**2.4 Về thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và HĐQT,** Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT theo đúng nghĩa vụ và quyền hạn. Thực hiện tốt chế độ báo cáo theo định kỳ.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.**

- Tăng cường công tác quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty. Phối hợp cùng với Ban điều hành Công ty tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc nhằm phục vụ cho hoạt động của công ty mang lại hiệu quả kinh doanh cao nhất, xử lý các tồn đọng về tài chính, phấn đấu đạt kế hoạch năm 2018.

- Nghiên cứu xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty để phòng ngừa các rủi ro cho doanh nghiệp, đặc biệt là các rủi ro trong kinh doanh đóng tàu cho ngư dân.

- Phối hợp cùng với Ban Tổng giám đốc nghiên cứu và đề xuất Ngân hàng phương án trả nợ, cụ thể giảm lãi suất vay để giảm chi phí trả nợ vay ngân hàng.

- Tiếp tục rà soát và xây dựng các phương hướng sử dụng một cách có hiệu quả các tài sản của Công ty, xử lý hiệu quả các tài sản mà Công ty không có nhu cầu sử dụng.

- Phát huy và làm tốt hơn công tác thị trường đóng tàu cá cho ngư dân, tận dụng các cơ hội đóng tàu cho ngư dân đang có nhu cầu lớn.

- Theo dõi, chỉ đạo việc thu hồi công nợ kiên quyết hơn đối với các khách hàng có khả năng thu hồi.



## **V/ QUẢN TRỊ CÔNG TY.**

### **1. Hội đồng quản trị (sau đây viết tắt là HĐQT).**

#### **1.1 Cơ cấu Hội đồng quản trị.**

Ngay sau khi Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 diễn ra ngày 27/4/2017, phiên họp đầu tiên đã tiến hành họp HĐQT, cơ cấu HĐQT Công ty thay đổi như sau:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1. Ông Thái Bá Nam	Chủ tịch HĐQT – Đại diện phần vốn của TCT Thủy sản Việt Nam - CTCP
2. Ông Mai Xuân Phong	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
3. Ông Trương Tùng Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ: 12,39%
4. Ông Nguyễn Bảy	Thành viên HĐQT không điều hành Tỷ lệ cổ phiếu có quyền nắm giữ : 0,09%
5. Ông Đỗ Trung Chuyên	Thành viên HĐQT không điều hành – Đại diện phần vốn TCT Thủy sản Việt Nam - CTCP

#### **1.2 Hoạt động của Hội đồng Quản trị.**

Năm 2017, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo đúng qui định của Điều lệ Công ty và ban hành các Nghị quyết của HĐQT nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông và giải quyết một số vướng mắc trong quá trình hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

##### **\* Các cuộc họp và biên bản họp của HĐQT trong năm 2017:**

- Cuộc họp 1: Biên bản số 04/BB-HĐQT-CNTS, ngày 07/01/2017 về việc xin Phụ cấp lương tháng 13 năm 2016 và chỉ định lại Thư ký HĐQT, thù lao thư ký;

- Cuộc họp 2: Biên bản số 27/BB-HĐQT-CNTS, ngày 22/3/2017 về việc lấy chốt danh sách cổ đông chuẩn bị cho việc tổ chức ĐHĐCĐ năm 2017;

- Cuộc họp 3: Biên bản số 45/BB-HĐQT-CNTS, ngày 04/4/2017 về việc thống nhất ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017; Thông qua chương trình ĐHĐCĐ 2017;

- Cuộc họp 4: Biên bản số 66/BB-ĐHĐCĐ-CNTS, ngày 27/4/2017 về việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;

- Cuộc họp 5: Biên bản số 76/BB-HĐQT-CNTS, ngày 09/5/2017 về việc thông qua báo cáo SXKD Quý 1/2017 và Báo cáo tài chính Q.1/2017; Phân công nhiệm vụ HĐQT, giới thiệu cơ cấu tổ chức nhân sự thay mới TGD;

- Cuộc họp 6: Biên bản số 159/BB-HĐQT-CNTS, ngày 22/07/2017 về việc Báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017, ...

- Cuộc họp 7: Biên bản số 186/BB-HĐQT-CNTS, ngày 02/8/2017 về việc đề xuất lựa chọn Phương án kinh doanh khai thác cầu cảng, kho bãi theo Tờ trình của Tổng giám đốc;

- Cuộc họp 8: Biên bản số 214/BB-HĐQT-CNTS, ngày 23/8/2017 về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty;

- Cuộc họp 9: Biên bản số 247/BB-HĐQT-CNTS, ngày 20/9/2017 về việc thống nhất nội dung và ban hành Quy chế tài chính Công ty;

- Cuộc họp 10: Biên bản số 281/BB-CNTS-HĐQT ngày 31/10/2017 về việc báo cáo kết quả hoạt động SXKD 9 tháng 2017, báo cáo tài chính 9T/2017; Tờ trình xin chuyển nhượng vốn góp Công ty vào Công ty TNHH Tư vấn Biển Đông....

**\* Các Nghị quyết của HĐQT năm 2017.**

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	05/NQ-HĐQT-CNTS	09/01/2017	Thông qua Biên bản họp HĐQT về phụ cấp lương tháng 13/2016 và chỉ định lại thư ký HĐQT, thù lao thư ký.
2	28/NQ-HĐQT-CNTS	22/3/2017	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông cuối cùng có quyền biểu quyết ĐHĐCĐ năm 2017
3	46/NQ-HĐQT-CNTS	05/4/2017	Thống nhất ngày tổ chức ĐHĐCĐ 2017 và chương trình ĐH.
4	67/NQ-ĐHĐCĐ-CNTS	27/4/2017	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
5	77/NQ-HĐQT-CNTS	10/5/2017	Thông qua báo cáo SXKD, báo cáo tài chính Q.1/2017; tổ chức phân công nhiệm vụ các TV HĐQT và bổ nhiệm tổng giám đốc mới
6	160/NQ-HĐQT-CNTS	22/7/2017	Thông qua Báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT, Quy chế phân phối thu nhập của NLĐ và NQL Công ty ...
7	187/NQ-HĐQT-CNTS	08/8/2017	Thông qua Phương án kinh doanh, khai thác cầu cảng, bến bãi của Cty.
8	215/NQ-HĐQT-CNTS	23/8/2017	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm kế toán trưởng Công ty.

9	248/NQ-HĐQT-CNTS	20/9/2017	Thông qua nội dung và ban hành Quy chế tài chính Công ty
10	282/NQ-HĐQT-CNTS	31/10/2017	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD 9 tháng 2017, báo cáo tài chính 9T/2017; Tờ trình xin chuyển nhượng vốn góp Công ty vào Công ty TNHH Tư vấn Biển Đông....

*\* Số lần tham dự họp của các thành viên HĐQT.*

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham gia
1. Ông Thái Bá Nam	Chủ Tịch HĐQT	10/10	100	
2. Ông Nguyễn Bảy	TV HĐQT	10/10	100	
3. Ông Trương Tùng Hưng	TV HĐQT kiêm P.TGD	10/10	100	
4. Ông Phan Ngọc Chúc	TV HĐQT	4/10	100	Không tham gia HĐQT kể từ khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
5. Ông Đỗ Trung Chuyên	TV HĐQT	9/10	100	Bận công tác
6. Mai Xuân Phong	TV HĐQT kiêm TGD	6/10	60	04 buổi họp đầu không tham gia vì chưa tham gia HĐQT Công ty

### **1.3 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành.**

Các thành viên HĐQT không điều hành đã phối hợp với các Thành viên điều hành thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ hoạt động SEAMECO, nhằm đưa ra những định hướng, chỉ đạo kịp thời các công tác và mọi mặt hoạt động của SEAMECO.

### **1.4 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị.**

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

## **2. Ban kiểm soát.**

### **2.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát.**

<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ</b>
Ông Nguyễn Thành Trung	Trưởng BKS	Đại diện phần vốn TCT Thủy sản Việt Nam - CTCP
Bà Trương Quỳnh Giao	Thành viên BKS	0%
Bà Vũ Thị Hồng Gấm	Thành viên BKS	0%

### **2.2 Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2017.**

- Thực hiện xem xét giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện các nội dung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017, các Nghị quyết của HĐQT;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng của Ban giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Giám sát các hoạt động của Công ty để đảm bảo tuân thủ theo pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Kiểm tra các hoạt động chính của Công ty như: Các công trình đóng tàu cá vỏ thép theo Nghị định 67, hoạt động khai thác dịch vụ cầu cảng & cho thuê kho bãi, chi phí lương, sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí .....

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

- Trong năm 2017, BKS đã có 4 kỳ làm việc trực tiếp để kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là Quý 1/2017, 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2017.

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

## **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.**

### **3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.**

#### **3.1.1 Tiền thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT trong năm.**

<b>TT</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Thù lao đồng/tháng</b>	<b>Cả năm (đồng)</b>
1	Ô.Thái Bá Nam	Chủ tịch	5.000.000	60.000.000

2	Ô.Mai Xuân Phong	Thành viên mới	3.000.000	24.000.000
3	Ô. Phan Ngọc Chúc	Thành viên cũ	3.000.000	12.000.000
4	Ô. Nguyễn Bảy	Thành viên	3.000.000	36.000.000
5	Ô.Trương Tùng Hưng	Thành viên	3.000.000	36.000.000
6	Ô. Đỗ Trung Chuyên	Thành viên	3.000.000	36.000.000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>204.000.000</b>

### 3.1.2 Thù lao của Ban kiểm soát trong năm.

TT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao đồng/tháng	Cả năm
1	Tổng Thị Ngọc Oanh	Trưởng BKS cũ (4 <sup>th</sup> )	3.000.000	12.000.000
2	Nguyễn Thành Trung	Trưởng BKS mới (8 <sup>th</sup> )	3.000.000	24.000.000
		Thành viên cũ (4 <sup>th</sup> )	2.000.000	8.000.000
3	Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên cũ (4 <sup>th</sup> )	2.000.000	8.000.000
4	Trương Quỳnh Giao	Thành viên mới (8 <sup>th</sup> )	2.000.000	16.000.000
5	Vũ Thị Hồng Gấm	Thành viên mới (8 <sup>th</sup> )	2.000.000	16.000.000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>84.000.000</b>

Trong năm không phát sinh thêm chi phí nào khác phục vụ cho hoạt động của Ban Kiểm Soát.

### 3.1.3 Lương, thưởng của Ban điều hành (Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và kế toán trưởng).

T T	Họ tên	Chức vụ	Lương/đồng năm	Thù lao/năm	Tổng cộng (đồng)
1	Nguyễn Bảy	Tổng Giám đốc cũ (5 <sup>th</sup> )	126.100.463		126.100.463
2	Mai Xuân Phong	Tổng giám đốc mới (8 <sup>th</sup> )	159.187.539		159.187.539
3	Trương Tùng Hưng	Phó TGD	234.896.154		234.896.154

4	H.V.Đ.Thị Lệ Hoa	Kế toán trưởng cũ (8 <sup>th</sup> )	142.231.089		142.231.089
5	Hoàng Thị Tú	Kế toán trưởng mới (4 <sup>th</sup> )	90.264.000		90.264.000

### **3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có**

### **3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có**

### **3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.**

Công ty luôn tuân thủ các quy định về quản trị công ty dựa trên cơ sở của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Thông tư 155/2015/TT-BTC về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN**

### **1. Ý kiến kiểm toán:**

#### ***1.1 Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:***

a) Tại mục (\*) thuyết minh 4.6, giá trị hàng tồn kho kém phẩm chất, chậm luân chuyển, có khả năng tiêu thụ thấp tại thời điểm cuối năm là 3.713.232.877 VND. Công ty chưa thực hiện việc đánh giá giá trị thuần có thể thu hồi được của các loại hàng hóa này để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

b) Tại mục (\*\*) thuyết minh 4.9, Quyền sử dụng đất tại Trà Vinh trị giá 4.045.500.000 VNĐ, Công ty đang ghi nhận là Tài sản cố định vô hình nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại mang tên cá nhân là chưa phù hợp với quy định hiện hành.

c) Tại thuyết minh 4.10, tổng giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2017 là 12.801.833.320 VNĐ, Công ty đã trích lập dự phòng các khoản đầu tư này là 7.912.582.707 VNĐ. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này kiểm toán viên chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2017 của các đơn vị nhận đầu tư và các đơn vị này cũng chưa giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán. Do đó, kiểm toán viên không có cơ sở xem xét số dự phòng các khoản đầu tư dài hạn nêu trên cần hoàn nhập hay trích lập bổ sung.

***1.2 Vấn đề cần nhấn mạnh:*** Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số 2.5 trong Báo cáo tài chính về khoản lỗ tích lũy đến ngày 31/12/2017 vượt qua số vốn chủ sở hữu số tiền là 108.889.470.372 VNĐ và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 126.793.380.405 VNĐ. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu

tổ không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

**2. Báo cáo tài chính:** Đính kèm báo cáo tài chính được Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh miền Trung, thành viên RSM quốc tế kiểm toán lập ngày 26/3/2017 và được đăng tải trên website Công ty: [www.seameco.com.vn](http://www.seameco.com.vn).

### **3. Giải trình của Công ty về các ý kiến ngoại trừ của Công ty kiểm toán.**

a) Hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển nêu trên chủ yếu là các loại hàng hóa như Phụ tùng, động cơ và máy phát điện... Đây là hàng hóa tồn kho Công ty nhập về để lưu trong kho đã lâu (năm 2012). Mặc dù chậm luân chuyển nhưng vẫn có khả năng bán được. Tại thời điểm cuối năm, Công ty không có được nguồn dữ liệu nào đáng tin cậy về giá trị của các loại hàng hóa nêu trên do đó Công ty chưa xem xét việc trích lập dự phòng.

b) Quyền sử dụng đất tại Trà Vinh: Nguồn gốc giá trị quyền sử dụng đất nêu trên là do Công ty thu hồi nợ từ Công ty Cổ phần Aquafeed Cửu Long (bao gồm 26 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tại thời điểm đó, các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đều mang tên cá nhân và việc chuyển sở hữu sang tên Công ty gặp nhiều khó khăn. Do đó, tại Nghị quyết số 30/NQ-CNTS-HĐQT ngày 15/2/2012 của Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghiệp Thủy sản thống nhất ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Tân và Ông Trần Văn Khuynh đại diện Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng với Công ty CP Aquafeed Cửu Long. Ông Nguyễn Văn Tân và ông Trần Văn Khuynh đã làm giấy cam kết về việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cá nhân hai ông đứng tên đều là Tài sản thuộc Quyền sở hữu của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản được Hội đồng quản trị Công ty đã ủy quyền đứng tên thay Công ty, không có quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt tài sản nêu trên.

c) Trích lập dự phòng các khoản đầu tư: Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác hầu như không có hiệu quả, Công ty đã trích lập dự phòng hơn 60% khoản đầu tư trên. Riêng đối với khoản đầu tư dài hạn tại Công ty cổ phần Biển Tây, hiện Công ty chưa có cơ sở xem xét để trích lập dự phòng khoản đầu tư này vì từ nhiều năm nay, Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính từ đơn vị này và đơn vị cũng chưa giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán. Do đó, Công ty không có cơ sở xem xét số dự phòng các khoản đầu tư dài hạn nêu trên cần hoàn nhập hay trích lập bổ sung.

d) Giải trình ý kiến của kiểm toán về vấn đề cần nhấn mạnh: Các khoản nợ vay nói trên là những khoản nợ vay tài chính tồn tại từ nhiều năm trước làm Công ty mất khả năng thanh toán và làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

Hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được hoạt động liên tục là nhờ kết quả sản xuất kinh doanh trong năm và nhờ vào nguồn vốn lưu động ứng trước từ khách hàng.

Công văn giải trình của Công ty về các ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của Công ty đã được đăng tải trên website Công ty: [www.seameco.com.vn](http://www.seameco.com.vn).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2018

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Mai Xuân Phong*